

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Mục tiêu	1
2. Phạm vi và giới hạn nghiên cứu.....	2
3. Cơ sở lập Kế hoạch sử dụng đất	2
3.1. Cơ sở pháp lý	2
3.2. Cơ sở thực tiễn, thông tin và bản đồ	3
4. Phương pháp thực hiện.....	4
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI.....	5
1.1 Điều kiện tự nhiên	5
1.1.1. Vị trí địa lý	5
1.1.2. Địa hình, địa mạo	5
1.1.3. Điều kiện khí hậu	5
1.1.4. Thủy văn	6
1.1.5. Giao thông.....	7
1.2. Các nguồn tài nguyên	7
1.2.1. Tài nguyên đất.....	7
1.2.2. Tài nguyên nước.....	9
1.2.3. Tài nguyên rừng	9
1.2.4. Tài nguyên khoáng sản	9
1.2.5. Tài nguyên nhân văn.....	9
1.3. Đánh giá về điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan môi trường-	10
1.3.1. Thuận lợi	10
1.3.2. Khó khăn	10
1.4. Thực trạng phát triển kinh tế, xã hội	11
1.4.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.....	11
1.4.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế:.....	11
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC	14
2.1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.....	14
III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	18
3.1. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực.....	18
3.1.1. <i>Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 chưa thực hiện hết nhưng phải phù hợp với kinh tế - xã hội của thị xã (các công trình, dự án chuyển tiếp).....</i>	18
3.2. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch.....	18

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đất đai là tài nguyên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là nguồn nội lực, nguồn vốn to lớn của đất nước, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, là địa bàn phân bố dân cư, xây dựng các cơ sở kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh và quốc phòng; có ý nghĩa kinh tế - xã hội sâu sắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Đất đai còn là loại tài nguyên không tái tạo và thuộc loại tài nguyên có nguồn cung cố định.

Sử dụng đất đai một cách khoa học, hợp lý là nhiệm vụ mang tính cấp bách và lâu dài của nước ta, đây là vấn đề liên quan đến toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Đất đai chỉ thực sự phát huy vai trò vốn có của mình dưới sự quản lý chặt chẽ, thống nhất, phù hợp của Nhà nước.

Luật Đất đai năm 2013 tại Mục 4 Điều 22 quy định: Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong 15 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai. Luật Đất đai làm rõ mối quan hệ giữa quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với quy hoạch, kế hoạch của các ngành, lĩnh vực, của địa phương; quy định đầy đủ, rõ ràng căn cứ và nội dung lập quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất của từng cấp để vừa đảm bảo tính chặt chẽ, khoa học, vừa đáp ứng được yêu cầu quản lý của từng cấp. Ngoài ra, Luật còn quy định trong nội dung Kế hoạch sử dụng đất phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận đối với dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị, khu dân cư nông thôn để đầu tư giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh nhằm tạo sự bình đẳng hơn, công bằng hơn trong sử dụng đất nói chung, trong vấn đề hưởng lợi từ quy hoạch sử dụng đất đem lại nói riêng.

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013 và đảm bảo cơ sở để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội năm 2023 trên địa bàn thị xã; UBND thị xã Hương Trà tiến hành lập “Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thị xã Hương Trà”.

1. Mục tiêu

- Đánh giá đầy đủ hiện trạng sử dụng đất năm 2022 và phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 của thị xã Hương Trà;
- Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn thị xã Hương Trà đảm bảo sự phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.
- Phân bổ diện tích các loại đất cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong năm kế hoạch 2023 đến từng đơn vị hành chính cấp xã;
- Là cơ sở pháp lý quan trọng để thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng... phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương trong năm 2023;

- Làm cơ sở để UBND thị xã Hương Trà cân đối giữa các khoản thu ngân sách từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; các loại thuế liên quan đến đất đai và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong năm 2023.

2. Phạm vi và giới hạn nghiên cứu

Nghiên cứu lập Kế hoạch sử dụng đất toàn thị xã Hương Trà với diện tích 39.257,22 ha, bao gồm 03 nhóm đất chính: nhóm đất nông nghiệp; nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng.

3. Cơ sở lập Kế hoạch sử dụng đất

3.1. Cơ sở pháp lý

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
- Luật số 35/2018/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;
- Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Quy định về giá đất;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định 35/2017/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về cây giống và canh tác;
- Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị quyết số 1264/NQ-UBTVQH14 ngày 27/4/2021 của Ủy ban thường vụ quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính cấp huyện và sắp xếp, thành lập các phường thuộc thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất

lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

- Công điện số 364/CĐ-TTg ngày 20/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng lập quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

- Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

- Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

- Công văn số 3131/STNMT-QLĐĐ ngày 07/9/2022 của Sở Tài nguyên và môi trường về việc triển khai lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng;

3.2. Cơ sở thực tiễn, thông tin và bản đồ

- Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thị xã Hương Trà (*Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 04/5/2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế*);

- Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 03/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về thông qua danh mục bổ sung các công trình, dự án cần thu hồi đất; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và đất rừng phòng hộ sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh năm 2022;

- Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh năm 2022;

- Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 07/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế thông qua danh mục bổ sung các công trình, dự án cần thu hồi đất; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh năm 2022;

- Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thị xã Hương Trà;
- Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thị xã Hương Trà;
- Quyết định số 2241/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thị xã Hương Trà;
- **Quyết định số 2460/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thị xã Hương Trà;**
- Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Đảng bộ thị xã Hương Trà khóa XIII trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ thị xã lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025;
- Báo cáo số 3251/BC-UBND ngày 21/10/2022 của UBND thị xã Hương Trà về tình hình kinh tế - xã hội 09 tháng năm 2022, ước thực hiện cả năm 2022 và Kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2023;
- Báo cáo số 3296/BC-UBND ngày 27/10/2022 của UBND thị xã Hương Trà về tình hình kinh tế - xã hội 10 tháng năm 2022 và nhiệm vụ các tháng cuối năm 2022;
- Quy hoạch, kế hoạch, đề án phát triển các ngành, lĩnh vực của tỉnh có liên quan đến thị xã Hương Trà;
- Quy hoạch, kế hoạch, đề án phát triển các ngành, lĩnh vực của thị xã Hương Trà.

4. Phương pháp thực hiện

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thị xã Hương Trà được xây dựng theo trình tự từ trên xuống và từ dưới lên; vừa dựa trên nhu cầu chung của tỉnh về sử dụng đất, vừa dựa trên đề xuất về sử dụng đất của các ban ngành và các xã, phường; mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của thị xã để dự báo biến động về quỹ đất gắn liền với tốc độ tăng trưởng kinh tế, dân số và nhu cầu bảo vệ môi trường năm 2023.

- Phân tích thực trạng quản lý và sử dụng đất đai, thực trạng phát triển kinh tế xã hội của thị xã được thể hiện qua số liệu thống kê hàng năm, các số liệu điều tra cơ bản từ các ban ngành trong thị xã, các xã, phường.

- Phân tích nhu cầu sử dụng đất theo các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển các ngành, các dự án của tỉnh, thị xã từ đó tổng hợp chỉ tiêu phát triển của từng ngành, nhu cầu về quỹ đất cần phải bố trí.

- Bố trí quỹ đất đối với từng loại đất để thực hiện các chỉ tiêu phát triển bền vững của từng ngành phù hợp với hiện trạng sử dụng đất, khả năng thực hiện chuyển đổi quỹ đất...

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1.1 Điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Thị xã Hương Trà nằm trong tuyến hành lang Huế - Đông Hà, trung tâm hành chính kinh tế văn hóa của thị xã là phường Tứ Hạ, cách thành phố Huế 17 km về phía Bắc. Thị xã Hương Trà ở vào vị trí trung độ của tỉnh nên Hương Trà tiếp giáp với phần lớn các huyện, thành phố trong tỉnh.

- Phía Bắc giáp huyện Quảng Điền.
- Phía Tây giáp huyện Phong Điền.
- Phía Đông giáp thành phố Huế, thị xã Hương Thủy.
- Phía Nam giáp huyện A Lưới.

Trên địa bàn thị xã có quốc lộ 1A và tuyến đường sắt Bắc Nam chạy qua với chiều dài 11,5 km, tuyến đường phía Tây thành phố Huế chạy qua 8 km, có quốc lộ 49A nối với huyện miền núi A Lưới.

1.1.2. Địa hình, địa mạo

Địa hình thị xã Hương Trà thấp dần từ Tây sang Đông, tạo thành 2 vùng tương đối rõ rệt:

- Vùng miền núi và gò đồi có 3 xã: xã Hương Bình, xã Bình Tiến, xã Bình Thành có tổng diện tích 26.649,90 ha, chiếm 67,89 % so với tổng diện tích toàn thị xã, địa hình có độ dốc lớn và bị chia cắt mạnh.

- Vùng đồng bằng và bán sơn địa có 5 phường và 1 xã: phường Hương Vân, phường Hương Vãn, phường Hương Xuân, phường Hương Chũ, phường Tứ Hạ, xã Hương Toàn có tổng diện tích 12.607,33 ha, chiếm 32,11% so với tổng diện tích toàn thị xã có địa hình tương đối bằng phẳng.

1.1.3. Điều kiện khí hậu

Hương Trà nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, nhưng thuộc loại khắc nghiệt với hai mùa rõ rệt: mùa khô từ tháng 3 đến tháng 8 có gió Tây Nam khô nóng; mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 3 năm sau chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc. Lượng mưa phân bố không đều trong năm và thường gây ra lũ lụt, hạn hán ảnh hưởng xấu đến sản xuất và sinh hoạt.

Nắng: tổng số giờ nắng của Hương Trà trên dưới 2.000 giờ/năm, xấp xỉ như trung bình của cả nước (2.115 giờ/năm). Tuy vậy, số giờ nắng phân bố không đều, cao nhất vào tháng 7 và tháng 8 hàng năm (250 - 280 giờ/tháng), thấp nhất vào tháng 7 hàng năm (45 giờ/năm). Biên độ dao động giữa các tháng vào khoảng 234 giờ, vì vậy để đảm bảo năng suất cây trồng cao cần tuân thủ lịch thời vụ gieo trồng một cách chặt chẽ.

Nhiệt độ: trung bình hàng năm là 25,3°C. Biên độ nhiệt dao động khá lớn. Nhiệt độ cao nhất là 41,8°C, nhiệt độ thấp nhất là 10,5°C. Nhiệt độ trung bình của các tháng mùa đông là 23,4°C, mùa hạ là 28,5°C, nhưng nhiệt độ tăng lên rõ rệt vào thời kỳ gió Tây Nam. Tổng tích nhiệt lớn, trung bình năm là 1.952°C, đủ ánh sáng cho cây trồng phát triển quanh năm. Chế độ nhiệt có những đặc điểm: nhiệt độ khá cao và biên độ lớn về mùa Đông giúp các loại cây trồng có khả năng hoàn thành nhiều vòng sinh trưởng trong năm; số ngày rét đậm, rét hại về mùa đông không nhiều, nhưng thời tiết âm u kèm theo nhiệt độ thấp kéo dài làm cho cây lúa Đông Xuân dễ bị mất mùa; đàn gia súc bị rét vào mùa đông và nóng vào mùa hè.

Mưa: tổng lượng mưa bình quân hàng năm khá lớn 2.995,5 mm, nhưng phân bố không đều. Từ tháng 9 đến tháng 11, lượng mưa chiếm từ 70 - 75% lượng mưa cả năm, nên thường xảy ra lũ lụt; ngược lại về mùa khô từ tháng 3 đến tháng 8 lượng mưa ít nên thường xảy ra hạn hán.

Độ ẩm tương đối, bình quân là 84,5%. Độ ẩm thấp tuyệt đối là 15%. Mùa đông là thời kỳ mưa nhiều nhất và độ ẩm cao nhất.

Chế độ gió: diễn biến theo mùa, từ tháng 4 đến tháng 8 có gió Tây Nam khô nóng xuất hiện, từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau có gió Đông Bắc ẩm lạnh. Trong đó tháng 1 là thời kỳ gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh nhất. Bão thường xuất hiện từ tháng 8 đến tháng 10. Tần suất bão trung bình là 0,4 trận/năm, thấp hơn so với trung bình cả nước là 2,5 - 3 trận/năm.

Với thời tiết, khí hậu nêu trên, Hương Trà có điều kiện tương đối thuận lợi cho phát triển đa dạng nông lâm nghiệp nhiệt đới có hiệu quả, đặc biệt là cây ăn quả và cây công nghiệp. Tuy nhiên, do lượng mưa phân bố không đều, thường gây lụt lội và hạn hán, nên cần thiết phải có các giải pháp tích cực về chọn giống cây trồng và thủy lợi nhằm đảm bảo mùa vụ và tưới tiêu chủ động.

1.1.4. Thủy văn

Hai con sông lớn chảy qua thị xã là sông Bồ và sông Hương. Lượng nước của hai con sông này phân bố không đều. Về mùa khô, từ tháng 3 đến tháng 8 mực nước thấp và lưu lượng nhỏ nên nước mặn dễ xâm nhập sâu về thượng lưu. Về mùa mưa, nước hai con sông dâng cao, lưu lượng dòng chảy lớn, vì vậy để đảm bảo an toàn cho sản xuất và đời sống nhân dân, cần tăng cường xây dựng các phương án cảnh báo lũ lụt.

Sông Bồ bắt nguồn từ khe Quao và Rào Trắng dài 25km, chiều rộng trung bình 250m, diện tích lưu vực 680 km². Về mùa lũ, nước thường dâng cao từ 3 - 5m, lưu lượng dòng chảy trung bình 4.000m³/s, lưu lượng kiệt là 5m³/s.

Sông Hương chảy qua địa phận thị xã 20 km, có lưu lượng kiệt là 12 - 15 m³/s. Về mùa lũ, nước dâng cao 4 - 5m, lưu lượng dòng chảy trung bình 6.000 m³/s.

Như vậy, nguồn nước mặt của thị xã khá dồi dào, thuận lợi cho phát triển thủy lợi phục vụ sản xuất. Ngoài nước mặt, nước ngầm trên địa bàn thị xã khá phong phú.

1.1.5. Giao thông

Hệ thống giao thông trên địa bàn thị xã phát triển khá đồng bộ và toàn diện. Hệ thống giao thông gồm các tuyến: quốc lộ, đường sắt, tỉnh lộ, huyện lộ đã tương đối đáp ứng được nhu cầu về giao thông vận tải của thị xã. Các tuyến giao thông nông thôn gồm: đường liên thôn liên xã, đường nội đồng từng bước được nhựa hóa, bê tông hóa. Hệ thống đường thủy gồm: sông Bồ, sông Hương,.... đều được đầu tư và khai thác tốt.

1.2. Các nguồn tài nguyên

1.2.1. Tài nguyên đất

Được hình thành với nguồn gốc khác nhau, phân loại đất khá đa dạng, phân bố trên nhiều loại địa hình nên khả năng khai thác đa dạng, phong phú.

Trong tổng số 39.257,22 ha đất tự nhiên có các loại đất chính như sau:

a) Đất phù sa

Được hình thành do sự bồi tụ của các sông. Thành phần cơ giới chủ yếu là thịt nhẹ, thịt trung bình và được phân bố ở những khu vực bằng phẳng có độ dốc cấp I, cấp II (từ 00 – 80). Đây là loại đất thích hợp cho sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là các loại cây lương thực, thực phẩm.

Diện tích đất này tập trung chủ yếu ven các sông ở phường Hương Vân, xã Hương Toàn và phường Hương Xuân. Trên các loại đất phù sa, các chỉ tiêu về tính chất hóa học đất trong những năm gần đây đều thay đổi theo chiều hướng không có lợi cho sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là độ pH đất. Việc thay đổi độ chua theo hướng tăng dần theo các năm là hậu quả của việc sử dụng các loại phân đạm với liều lượng lớn, nhất là không cân đối với lân và xem nhẹ vai trò của phân hữu cơ. Cùng với pH đất, các chỉ tiêu về độ phì cũng giảm nên làm giảm khả năng canh tác của đất và sự phục hồi độ phì đất là điều không thể thực hiện trong thời gian ngắn.

b) Đất đỏ vàng trên đá sét

Được phát triển trên sản phẩm phong hóa của đá macma bazơ và trung tính, đá cát,... phân bố ở địa hình tương đối cao đến bằng thoải lượn sóng. Đất có thành phần cơ giới nặng đến trung bình, hàm lượng dinh dưỡng trung bình thấp, tầng đất từ trung bình đến dày, thoát nước tốt. Nhóm đất này rất thích hợp cho việc trồng cây ăn quả, nông lâm kết hợp (cao su, hồ tiêu, mía, thông...). Phân bố ở xã Bình Tiến, xã Bình Thành và phường Hương Vân.

c) Đất vàng nhạt trên đá cát

Được phát triển trên nhiều đá mẹ khác nhau như: granit, macma axit, trầm tích và đá biến chất,... Đá phong hóa yếu, có nhiều mảnh vụn nguyên sinh, trên cùng là lớp thảm mục hoặc mùn thô than bùn. Tỷ lệ mùn cao nhưng phân giải chậm, hàm lượng lân và kali nghèo. Nhìn chung đây là nhóm đất tốt, có khả năng trồng được cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày như lạc, mía, cao su, hồ tiêu, cây ăn quả. Diện tích đất này hầu hết tập trung ở Bình Tiên.

d) Đất nâu vàng trên sản phẩm dốc tụ

Được phân bố ở xã Bình Thành và xã Bình Tiên, là sản phẩm dốc tụ của quá trình rửa trôi, xói mòn. Thành phần cơ giới từ cát pha đến thịt nhẹ, hàm lượng dinh dưỡng khá, độ dày tầng đất trên 70 cm. Diện tích đất này rất thích hợp cho sản xuất nông nghiệp, đặc biệt trồng lúa năng suất cao.

e) Đất nâu vàng trên phù sa cổ

Đất này có tầng dày canh tác lớn trên 50cm, thành phần cơ giới từ trung bình đến thịt nặng. Loại đất này có màu nâu vàng, cấp hạt không đồng nhất; địa hình có dạng lượn sóng và bát úp, tầng đất khô; hàm lượng các chất dinh dưỡng từ trung bình đến khá, mực nước ngầm nông,... Trên nhóm đất này có thể trồng được nhiều loại cây như cây ăn quả, cây lương thực, cây công nghiệp ngắn và dài ngày. Diện tích đất này phân bố ở phường Hương Vân, xã Hương Bình, xã Bình Thành, xã Bình Tiên.

f) Đất đỏ vàng trên đá granit

Tập trung chủ yếu ở xã Bình Tiên, xã Hương Bình và xã Bình Thành. Được phân bố trên địa hình khá dốc nên quá trình phong hóa yếu, đá mẹ chủ yếu là đá granit. Đất này có tầng đất khá dày, thành phần cơ giới nhẹ, thoát nước tốt, hàm lượng các chất dinh dưỡng trong đất từ trung bình đến khá, thích hợp với các loại cây trồng như: dứa, chè, cao su, cà phê,... Tuy nhiên trên loại đất này cần phải áp dụng triệt để các biện pháp bảo vệ và cải tạo đất để phát triển sản xuất đảm bảo hiệu quả lâu dài.

g) Đất biến đổi do trồng lúa

Đây là loại đất phù sa rất thích hợp cho trồng lúa, có tầng đất khá dày từ 50 - 100 cm và độ dốc dưới 30, đất đai tương đối màu mỡ, thành phần cơ giới đại bộ phận là thịt nhẹ, thịt trung bình và cát pha hàng năm được bồi đắp phù sa bởi sông Bồ và sông Hương. Đất này tập trung phần lớn ở vùng đồng bằng có điều kiện sản xuất lúa như xã Hương Toàn, phường Hương Xuân,...

h) Đất bạc màu trơ sỏi đá

Đặc điểm là tầng đất mặt bị xói mòn, rửa trôi mạnh nên tầng đất này còn rất mỏng hoặc còn lại là trơ sỏi đá. Để khôi phục lại loại đất này cần một quá trình lâu dài và kết hợp nhiều biện pháp khác nhau.

1.2.2. Tài nguyên nước

Sông Bò bắt nguồn từ khe Quaoxin và Rào Căng dài 25km chảy theo hướng Tây Nam - Đông Bắc diện tích lưu vực là 680km². Sông Hương đi qua địa bàn thị xã dài khoảng 20 km. Ao hồ, bầu có diện tích rất lớn phân bố rải rác và khả năng chứa nước ít nhưng thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Nguồn nước mặt, nước ngầm và nước mưa trên địa bàn thị xã rất phong phú, trữ lượng nước rất lớn luôn cung cấp đủ nước tưới cho đồng ruộng, nước sinh hoạt và công nghiệp. Đối với vùng đồi núi khả năng ruộng nước hạn chế, phân bố rải rác theo các hợp thủy ven khe suối nên không có vùng tưới tập trung. Bên cạnh đó lượng nước mặt thay đổi rất lớn theo mùa nên cũng gây trở ngại lớn cho sản xuất.

1.2.3. Tài nguyên rừng

Thảm thực vật rừng của thị xã rất phong phú, đa dạng với nhiều chủng loại quý hiếm. Tổng diện tích có rừng trên địa bàn thị xã là: 24.205,49 ha, chiếm 61,66% diện tích đất tự nhiên; trong đó chủ yếu là đất rừng sản xuất và đất rừng phòng hộ. Rừng có các loại gỗ quý như lim, sến, mây, song,...và các loại động vật rừng: nai, khỉ... Tuy nhiên trong những năm gần đây rừng bị tàn phá mạnh do khai thác nhiều, phá rừng làm nương rẫy chưa được quản lý chặt chẽ. Tỷ lệ che phủ của rừng thấp, trữ lượng cây rừng chủ yếu tập trung ở núi cao, khả năng giữ nước đầu nguồn thấp.

1.2.4. Tài nguyên khoáng sản

Theo tài liệu khảo sát sơ bộ, Hương Trà có các mỏ đá trữ lượng lớn: mỏ đá vôi Văn Xá phân bố ở phường Hương Văn, phường Hương Vân sản xuất được xi măng mác cao; mỏ đá Granit đen xám ở vùng núi xã Bình Thành, phường Hương Vân; mỏ cao lanh Văn Xá, mỏ khoáng titan, cát, sỏi,... có trữ lượng lớn, chất lượng tốt. Đây là nguồn nguyên liệu phong phú đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản.

1.2.5. Tài nguyên nhân văn

Trên địa bàn thị xã có nhiều dân tộc sinh sống nhưng chủ yếu là dân tộc Kinh và các dân tộc ít người như Pa Kô, Cờ Tu, Tà Ôi, Vân Kiều sống ở khu vực phía tây của thị xã.

Lao động nông nghiệp chủ yếu là sản xuất theo tập tục, thói quen kinh nghiệm và khả năng áp dụng biện pháp kỹ thuật còn hạn chế.

Hương Trà có trữ lượng tiềm năng văn hoá du lịch đầy triển vọng với nhiều hồ, khe, suối, nhiều di tích như: khu di tích địa đạo Khe Trái (phường Hương Vân), Cồn Ràng – Hương Chữ (khu mộ chum thuộc văn hóa Sa Huỳnh có niên đại cách nay hơn 2000 năm), nhiều lễ hội dân gian truyền thống có khả năng tạo ra cơ sở cho phát triển du lịch dịch vụ.

Phong tục tập quán, tín ngưỡng tôn giáo cũng là những thành tố góp phần làm phong phú nguồn tài nguyên nhân văn của thị xã Hương Trà; hiện có các tôn giáo chủ yếu như: đạo phật, đạo thiên chúa giáo, đạo tin lành.

Nhân dân Hương Trà cần cù, yêu lao động, không ngừng sáng tạo,... nên đời sống ngày một khá hơn. Bước vào thế kỷ thứ 21 trong sự phát triển đi lên của đất nước, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế, văn hoá, khoa học công nghệ, Hương Trà phấn đấu xứng đáng là lực lượng xung kích trên mọi mặt; kế thừa, phát huy, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, góp phần đắc lực vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh nhà.

1.3. Đánh giá về điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan môi trường-

1.3.1. Thuận lợi

Thị xã Hương Trà có vị trí địa lý - kinh tế rất thuận lợi: nằm trên trục giao thông đường bộ, đường sắt xuyên Việt, liền kề thành phố Huế và được xác định nằm trong vùng đô thị lõi trung tâm của thành phố Huế trực thuộc TU. Với vị trí này, Hương Trà sẽ nhận được sự tác động phát triển lan tỏa của thành phố trung tâm đô thị Huế trong quá trình đô thị hóa, thông tin thị trường, phát triển công nghiệp, dịch vụ phụ trợ, tiếp nhận khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới, đào tạo nguồn nhân lực, mở rộng liên kết kinh tế trong nước và quốc tế,...

Sau khi sáp nhập thị xã Hương Trà còn lại 09 đơn vị hành chính, vì vậy nguồn lực đầu tư sẽ tập trung để phát triển đô thị. Đầu tư sẽ tập trung, trọng điểm để tạo điểm nhấn xứng tầm là đô thị động lực phía Bắc của tỉnh.

Khu công nghiệp Tứ Hạ, cụm công nghiệp Tứ Hạ mở rộng, cụm công nghiệp Bình Thành thành lập mới,... hứa hẹn là nơi hấp dẫn các nhà đầu tư thực hiện các dự án tạo đà thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Hương Trà có nguồn tài nguyên thiên nhiên khá lớn phù hợp với định hướng phát triển ngành công nghiệp chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng... là sản phẩm chủ lực của tỉnh Thừa Thiên Huế.

Có cơ sở hạ tầng tương đối phát triển, mạng lưới giao thông được nâng cấp mở rộng; trên địa bàn có các tuyến quốc lộ, đường sắt xuyên Việt, các tuyến tỉnh lộ và các tuyến trục ngang kết nối với các khu vực phía Bắc, phía Nam và liên thông thuận lợi với các địa bàn lân cận.

Là vùng đất giàu truyền thống cách mạng, có nguồn lao động khá lớn; có khả năng tiếp thu khoa học - kỹ thuật - công nghệ tiên tiến, năng động, hòa nhập được với kinh tế thị trường. Có đội ngũ lãnh đạo, cán bộ quản lý tâm huyết và năng động.

1.3.2. Khó khăn

Hương Trà nằm trong dải đất miền Trung nên cũng chịu ảnh hưởng rất lớn của khí hậu thời tiết khắc nghiệt, mùa hạ nắng hạn kéo dài kèm theo gió Tây Nam khô nóng, còn vào mùa mưa khí hậu lạnh, lượng mưa tập trung vào một số tháng gây ra lũ lụt, ngập úng làm ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất, đời sống dân sinh.

1.4. Thực trạng phát triển kinh tế, xã hội

1.4.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 18/11/2021 của Thị ủy Hương Trà và Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của Hội đồng nhân dân thị xã về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022. UBND thị xã đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 03/01/2022 về việc triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022. Thành tựu lớn nhất đạt được trong năm nay là vừa thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống dịch Covid, vừa phát triển kinh tế, thị xã đã hoàn thành vượt mức 10/11 chỉ tiêu đã đề ra trong năm 2022, đặc biệt thu ngân sách đạt cao trên 210%.

Ngay từ đầu năm, UBND thị xã đã phân công chỉ đạo các ban ngành của thị xã và các phường, xã triển khai một cách đồng bộ, tích cực nên tình hình kinh tế - xã hội trong năm 2022 đạt kết quả khá toàn diện. An sinh xã hội bảo đảm; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Nhìn chung, cơ cấu kinh tế của thị xã đã chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng - dịch vụ và giảm dần tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp. Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản có chuyển biến, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, góp phần tạo động lực tăng trưởng nền kinh tế. Tích cực huy động nguồn vốn đầu tư phát triển thông qua đổi đất để đầu tư hạ tầng cơ sở và triển khai thực hiện các chương trình, dự án trọng điểm. Hệ thống hạ tầng giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục, văn hoá không ngừng được tăng cường, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. Ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, chủ động phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường.

1.4.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế:

a) Khu vực kinh tế thương mại, dịch vụ du lịch

a) Khu vực kinh tế công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng

Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng (giá so sánh 2020) 09 tháng năm 2022 tăng khoảng 15,7% so cùng kỳ năm trước. Hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển ổn định và nhờ các nhà máy tăng năng suất trong điều kiện bình thường mới và có một số năng lực mới đưa vào hoạt động như: Nhà máy sản xuất mũ xuất khẩu Jonh Well, Công ty dược phẩm Hera, may Vinatex, may Scavi Hương Trà, Công ty cổ phần bê tông Thừa Thiên Huế, ghé

đan xuất khẩu Phước Hiệp Thành, xi măng Kim Định; đặc biệt sản lượng điện sản xuất tăng mạnh của các dự án thủy điện do thời tiết thuận lợi mưa nhiều...

Một số sản phẩm có sản lượng tăng so cùng kỳ năm trước như: mũ, nón xuất khẩu (16,2%), nhang Thái Hưng (15,1%), ghế đan xuất khẩu (12,85%), đá xây dựng (19,5%), xi măng (4,1%), điện thương phẩm (4,05%), tà vẹt bê tông dự ứng lực (13,95%)... Giá trị xuất khẩu ước đạt 210 tỷ đồng.

b) Khu vực kinh tế thương mại, dịch vụ du lịch

Tình hình thị trường trên địa bàn thị xã nhìn chung ổn định, nguồn cung hàng hóa dồi dào, giá cả ổn định ở phần lớn các nhóm hàng. Giá trị sản xuất ngành dịch vụ (*giá so sánh 2020*) tăng khoảng 13,9% so với cùng kỳ năm trước.. Đã có 285 hộ kinh doanh đăng ký thành lập mới, tăng 20,8% cùng kỳ. Các hoạt động vận tải, dịch vụ bưu chính - viễn thông, giáo dục - đào tạo, vệ sinh môi trường, dịch vụ đô thị phát triển khá đa dạng, đáp ứng kịp thời các nhu cầu của nhân dân trên địa bàn. Hoạt động tín dụng ngân hàng trên địa bàn tăng trưởng tích cực, tổng vốn huy động và tổng dư nợ cho vay đạt kế hoạch đề ra.

Đang thu hút các doanh nghiệp đầu tư các cơ sở logistic trên địa bàn và mở rộng phát triển các hoạt động dịch vụ có thế mạnh của thị xã. Các hoạt động phát triển du lịch được mở rộng, nhất là du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm. Đã hoàn thành quy hoạch chi tiết khu du lịch sinh thái Khe Đầy, xã Bình Thành; cung cấp thông tin quy hoạch cho các nhà đầu tư nghiên cứu thực hiện các dự án phát triển dịch vụ - du lịch tại khe Đầy (Bình Thành), suối máu (Bình Tiến)...

c) Khu vực kinh tế nông nghiệp

Giá trị sản xuất nông nghiệp (*giá so sánh 2020*) 09 tháng năm 2022 thực hiện đạt 437 tỷ đồng, tăng 1,1% so với năm 2021.

+ Về trồng trọt:

Kết quả sản xuất một số cây trồng chính cụ thể như sau: Cây lúa diện tích gieo trồng cả năm đạt 3.356,06 ha, đạt 100,2%, năng suất 53,58 tạ/ha bằng 91,6% so kế hoạch. Tỷ lệ giống lúa xác nhận đưa vào sản xuất đạt trên 94%. Triển khai thực hiện có hiệu quả các mô hình sản xuất lúa từ nguồn kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa năm 2022. Cây lạc diện tích gieo trồng cả năm 667 ha, năng suất đạt 19,98 tạ/ha, xấp xỉ so với năm 2021; cây ngô gieo trồng 98,9 ha, năng suất 31,7 tạ/ha, giảm 3,3 tạ; cây sắn gieo trồng 608 ha, chủ yếu giống KM94, năng suất đạt 208,4 tạ/ha, tăng 21,8 tạ/ha; Rau các loại gieo trồng 629,8 ha, năng suất 91,7 tạ/ha, giảm 3,3 tạ; đậu các loại gieo trồng 165,3 ha, năng suất 5,86 tạ/ha, tăng 1,86 tạ so với năm 2021.

+ Về chăn nuôi:

Công tác phòng chống dịch bệnh, kiểm tra vệ sinh môi trường chăn nuôi, tiêm phòng thú y trên địa bàn thị xã được tăng cường góp phần ngăn chặn dịch

bệnh. Đàn trâu hiện có 641 con, đàn bò 1.439 con, đàn lợn 7.781 con, đàn gia cầm 250.000 con. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại đạt 1.880 tấn, sản lượng trứng gia cầm đạt 2,68 triệu quả.

+ Về thủy sản:

Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng 09 tháng đạt 1.193 tấn. Tổng diện tích mặt nước đưa vào nuôi trồng thủy sản 82 ha.

+ Về lâm nghiệp:

Diện tích cây cao su hiện có 1.583,77 ha, sản lượng mủ khai thác đạt là 424,8 tấn. Tiếp tục triển khai các mô hình khuyến nông và hỗ trợ phát triển sản xuất năm 2022 theo kế hoạch đề ra.

Đã trồng 650 ha rừng tập trung, đạt 92,8% so kế hoạch, tổng sản lượng gỗ khai thác 58.428 m³ tăng 4,5% so cùng kỳ năm 2021.

Những kết quả đạt được trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp đã góp phần làm cho bộ mặt nông thôn khởi sắc.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC

2.1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

Sau khi Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thị xã Hương Trà được UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 24/02/2022; Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 09/8/2022; Quyết định số 2241/QĐ-UBND ngày 15/9/2022; **Quyết định số 2460/QĐ-UBND ngày 11/10/2022** về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất 2022 của thị xã Hương Trà. Ủy ban nhân dân thị xã đã tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, đã giúp cho việc quản lý sử dụng đất đai trên địa bàn thị xã đi vào nề nếp và phục vụ tốt nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm trước cụ thể như sau:

* **Đánh giá tình hình thực hiện diện tích đất cần thu hồi năm 2022**

Tổng diện tích thu hồi đất năm 2022 (theo Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 24/02/2022) là 136,84 ha để thực hiện 37 công trình, dự án (gồm: 01 công trình, dự án do Thủ tướng chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất với diện tích 0,16 ha; 36 công trình, dự án thu hồi đất theo Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh với diện tích 136,68 ha. Trong đó:

+ Công trình, dự án cần thu hồi đất năm 2022: 17 công trình, dự án với tổng diện tích cần thu hồi là 53,81 ha;

+ Công trình, dự án cần thu hồi đất chuyển tiếp từ năm 2021: 14 công trình, dự án với tổng diện tích cần thu hồi là 50,23 ha (gồm: 01 công trình, dự án do Thủ tướng chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất với diện tích 0,16 ha; 13 công trình, dự án thu hồi đất theo Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh với diện tích 50,07 ha);

+ Công trình, dự án cần thu hồi đất chuyển tiếp từ năm 2020: 06 công trình, dự án với tổng diện tích cần thu hồi là 32,80 ha;

+ Ngoài ra có 10 công trình, dự án được bổ sung kế hoạch (gồm 1 công trình, dự án do Thủ tướng chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất với diện tích 2,51 ha). Và 09 công trình bổ sung theo Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 03/6/2022; Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 14/7/2022; Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 07/9/2022 của HĐND tỉnh thông qua danh mục bổ sung các công trình, dự án cần thu hồi đất; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh năm 2022 (với diện tích 18,78 ha). Và đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 09/8/2022; Quyết định số 2241/QĐ-UBND ngày 15/9/2022; Quyết định số 2460/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 và **Quyết định số 2460/QĐ-UBND ngày 11/10/2022**.

Kết quả trong năm 2022 đã thực hiện được 08/37 công trình, dự án với diện tích 6,36 ha theo Nghị quyết HĐND tỉnh đạt tỷ lệ 21,62%. Trong đó:

+ Công trình, dự án theo nguồn vốn ngân sách nhà nước: 08/37 công trình dự án thu hồi đất.

+ Công trình, dự án ngoài nguồn vốn ngân sách nhà nước: 0/1 công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất.

*** Đánh giá tình hình thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022**

- Tổng diện tích cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ năm 2022 theo Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh là 20 công trình, dự án với diện tích 53,78 ha (trong đó 22,43 ha đất trồng lúa). Trong đó:

+ Công trình, dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2022: 10 công trình, dự án với tổng diện tích 11,81 ha (trong đó 5,16 ha đất trồng lúa).

+ Công trình, dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa chuyển tiếp từ năm 2021: 04 công trình, dự án với tổng diện tích 4,97 ha (trong đó 0,71 ha đất trồng lúa).

+ Công trình, dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa chuyển tiếp từ năm 2020: 06 công trình, dự án với tổng diện tích 37,0 ha (trong đó 16,56 ha đất trồng lúa).

+ Ngoài ra có 04 công trình, dự án được bổ sung kế hoạch với tổng diện tích 11,75 ha (trong đó 3,62 ha đất trồng lúa) được bổ sung theo Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 03/6/2022; Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 14/7/2022; Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 07/9/2022 của HĐND tỉnh thông qua danh mục bổ sung các công trình, dự án cần thu hồi đất; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh năm 2022. Và đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 09/8/2022; Quyết định số 2241/QĐ-UBND ngày 15/9/2022; Quyết định số 2460/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 và **Quyết định số 2460/QĐ-UBND ngày 11/10/2022.**

Kết quả trong năm 2022 đã thực hiện được 02/24 công trình, dự án với diện tích 4,09 ha (trong đó có 0,64 ha đất trồng lúa) đạt tỷ lệ 8,33%. Trong đó:

+ Công trình, dự án theo nguồn vốn Ngân sách nhà nước là 23 công trình. Thực hiện 02/23 với diện tích 4,09 ha (đạt 8,69%).

+ Công trình, dự án ngoài nguồn vốn Ngân sách nhà nước là 01 công trình. Chưa thực hiện.

- Tổng diện tích thực hiện các công trình, dự án thị xã xác định theo kế hoạch được duyệt là 108,70 ha để thực hiện 34 công trình (theo Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 24/02/2022). Ngoài ra có 05 công trình, dự án bổ sung kế hoạch sử dụng đất theo Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 09/8/2022; Quyết định số 2241/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 với diện tích 9,10 ha. Đến năm 2022 đã thực hiện được 18,26 ha với 08/39 công trình, dự án.

*** Đánh giá tình hình đưa đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2022**

Tổng diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng (theo Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 24/02/2022) của UBND tỉnh là 16,63 ha đến năm 2022 đã thực hiện 1,16 ha với 05 công trình, dự án.

2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

*** Những thuận lợi:**

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 đã được thị xã hết sức chú trọng vì toàn bộ nhu cầu sử dụng đất cho mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa đều phải sử dụng vào đất nông nghiệp.

- Việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm được UBND thị xã thực hiện, vì thế đã có những đánh giá sát tình hình quản lý và thực hiện, chấn chỉnh kịp thời những vi phạm trong sử dụng đất;

- Việc lập kế hoạch sử dụng đất của thị xã đã dần đi vào nề nếp, tác động tích cực đến quản lý, sử dụng và chuyển dịch đất đai, thực hiện thu hồi tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển đô thị và khu dân cư, tạo động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng; việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận QSDĐ cơ bản được thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

*** Những tồn tại:**

- Một số chỉ tiêu không đạt theo kế hoạch đã đề ra hoặc đạt tỷ lệ thấp.

- Công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng ở một số địa điểm có hạng mục quy hoạch gặp nhiều khó khăn vướng mắc về cơ chế, giá đất làm chậm tiến độ đầu tư xây dựng có sử dụng đất theo kế hoạch.

- Nhận thức của người dân về pháp luật đất đai còn hạn chế cũng như ý thức trách nhiệm của một số người dân chưa tốt đã gây khó khăn cho công tác bồi thường giải phóng mặt bằng đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

- Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội những năm qua của Tỉnh ta nói chung và thị xã Hương Trà nói riêng gặp nhiều khó khăn đã tác động lớn đến

việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và thu hút đầu tư trên địa bàn thị xã.

- Nhiều trường hợp lập kế hoạch đúng, rất cần thiết, có lộ trình thực hiện, nhưng do ngân sách không bảo đảm hoặc bị động về nguồn thu nên sau khi công bố triển khai đã phải dừng lại, nhất là các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật.

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật về điều chỉnh hoặc hủy bỏ kế hoạch chưa được coi trọng và nhìn chung không được chấp hành nghiêm túc. Nhiều khu vực đã không còn phù hợp với diễn biến của tình hình thực tế hoặc không còn hợp lý.

2.3. Đánh giá những nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

*** Nguyên nhân tồn tại:**

- Khi đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong năm kế hoạch, chủ yếu dựa trên cơ sở các quy hoạch kinh tế xã hội, quy hoạch phát triển ngành, nhưng chưa đối soát, rà soát nhu cầu phân bổ nguồn vốn để thực hiện các dự án công trình và dự báo các nguồn vốn khác nên số công trình dự án đăng ký nhiều, thực hiện ít.

- Nhiều dự án dự định triển khai (nhất là các dự án hạ tầng, đất ở) nhưng do ngân sách không bảo đảm hoặc do chủ đầu tư thiếu vốn, không có năng lực thực hiện dự án nên sau khi công bố triển khai đã phải dừng lại. Đây cũng là nguyên nhân chính của các chỉ tiêu đạt thấp so với kế hoạch đã được duyệt.

- Cơ chế thị trường ngày càng làm đất đai có giá trị đã ảnh hưởng phần nào đến công tác thực hiện quy hoạch như vấn đề đền bù giải phóng mặt bằng.

- Thời gian thực hiện các công trình, dự án thường kéo dài từ 3-5 năm nên số lượng công trình chuyển tiếp trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm càng tăng.

*** Bài học kinh nghiệm:**

- Kinh tế - xã hội phát triển rất nhanh do yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu sử dụng đất nên nhu cầu sử dụng đất tăng cao và rất đa dạng, làm tăng giá trị của đất đòi hỏi công tác quản lý đất đai nói chung, quy hoạch, kế hoạch nói riêng phải hoàn chỉnh về lực lượng cũng như cơ chế, chính sách mới phù hợp để có thể quản lý tốt theo quy hoạch và pháp luật.

- Qua thực tế quản lý, thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2022, có thể thấy pháp luật đất đai hiện chưa ràng buộc các ngành, lĩnh vực và chính quyền địa phương tuân thủ quy hoạch sử dụng đất, đồng thời quy hoạch sử dụng đất dễ bị điều chỉnh theo yêu cầu của nhà đầu tư. Do đó, cần có hướng dẫn cụ thể, chi tiết về phương pháp luận để nâng cao luận chứng của tài liệu quy hoạch sử dụng đất, nâng cao tầm quan trọng của tài liệu quy hoạch trong công tác quản lý điều

hành của chính quyền các cấp, đồng thời bổ sung quy định về chấp hành quy hoạch sử dụng đất.

- Tài liệu kế hoạch sử dụng đất cần xác định cụ thể các giải pháp để đảm bảo tính khả thi của việc thực hiện theo quy hoạch.

III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

3.1.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 chưa thực hiện hết nhưng phải phù hợp với kinh tế - xã hội của thị xã (các công trình, dự án chuyển tiếp)

Trong năm 2022, có nhiều dự án đã được đăng ký trong kế hoạch nhưng chưa triển khai thực hiện được. Nguyên nhân chính là do thiếu vốn, ngân sách không đảm bảo, thủ tục chưa đầy đủ để bồi thường đất, thu hồi đất, giải phóng mặt bằng.

Các công trình, dự án của năm 2022 chuyển sang năm 2023 mà phải thu hồi đất theo Nghị quyết số .../2022/NQ-HĐND ngày .../.../2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh có 27 công trình, dự án với diện tích 38,03 ha.

Các công trình, dự án của năm 2022 chuyển sang năm 2023 mà phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo Nghị quyết số .../2021/NQ-HĐND ngày.../.../2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh có 13 công trình, dự án với diện tích 17,78 ha (trong đó diện tích đất trồng lúa là 4,48 ha).

Danh mục các công trình, dự án quan trọng chưa thực hiện trong năm kế hoạch 2022 chuyển tiếp sang năm 2023 (Chi tiết xem Phần phụ lục 03 và Phần phụ lục 04).

3.2. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch

Danh mục các công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thị xã Hương Trà gồm:

*** Công trình, dự án quốc phòng - an ninh:**

- Có 03 công trình, dự án xác định mới trong năm 2023 với diện tích 0,40 ha.

Chi tiết danh mục công trình, dự án xem Phần phụ lục 05.

*** Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất:**

- Có 01 công trình chuyển tiếp từ năm 2022 với diện tích 2,51 ha.

- Có 01 công trình chuyển tiếp từ năm 2021 với diện tích 0,16 ha.

Chi tiết danh mục công trình, dự án xem Phần phụ lục 05.

*** Công trình, dự án cần thu hồi đất :**

Có 49 công trình dự án cần thu hồi đất năm 2023 với tổng diện tích

172,94 ha. Trong đó:

- 22 công trình, dự án được xác định mới trong năm 2023 với diện tích 134,91 ha;

- Và 27 công trình, dự án được chuyển tiếp từ năm 2022 sang thực hiện trong năm 2023 (trong đó: năm 2021 gồm có 07 công trình với diện tích 13,75 ha; năm 2022 có 20 công trình với diện tích 24,28 ha).

Chi tiết danh mục công trình, dự án xem Phần phụ lục 01 và phụ lục 03.

*** Công trình, dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất:**

Có 21 công trình, dự án thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất lúa, rừng phòng hộ trong năm 2023 với diện tích 44,78 ha. (Trong đó: diện tích đất trồng lúa là 16,46 ha). Cụ thể:

- 08 công trình, dự án được xác định mới trong năm 2023 với diện tích 27,0 ha (trong đó: diện tích đất trồng lúa là 11,98 ha).

- Và 13 công trình, dự án được chuyển tiếp từ năm 2022 sang thực hiện trong năm 2023 (trong đó: năm 2021 có 03 công trình với diện tích 4,37 ha; năm 2022 có 10 công trình với diện tích 13,41 ha).

Chi tiết danh mục công trình, dự án xem Phần phụ lục 02 và phụ lục 04.

*** Công trình, dự án cấp huyện xác định năm 2023:**

Để tạo nguồn vốn cho phát triển, tạo quỹ đất đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật và xã hội, kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thị xã xác định thêm 30 công trình, dự án với diện tích 209,30 ha. Trong đó:

+ Công trình, dự án xác định mới năm 2023: 09 công trình, dự án với diện tích 117,26 ha;

+ Công trình, dự án chuyển tiếp năm 2022: 14 công trình, dự án với diện tích 69,90 ha.

+ Công trình, dự án chuyển tiếp năm 2021: 07 công trình, dự án với diện tích 22,14 ha.

UBND thị xã đảm bảo tất cả các công trình liên quan đến đất 5% (chỉ sử dụng vào mục đích nông nghiệp), đất Ủy ban quản lý, vận động dân hiến đất, hoán đổi đất,...

Trong tổng số công trình thị xã xác định có 16 công trình (diện tích 11,99 ha) là những điểm quy hoạch đất ở đấu giá, đất xen ghép, nhu cầu sử dụng đất, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất ở các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thị xã. Hầu hết các khu vực đất ở này tận dụng hạ tầng sẵn có.

Một số công trình, dự án do nhu cầu của các doanh nghiệp, nhà đầu tư có đầy đủ hồ sơ căn cứ pháp lý.

Chi tiết danh mục công trình, dự án xem Phần phụ lục 06 và phụ lục 07.

